TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 31-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hoài Dinh.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Văn Cường.

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 170/2022/HSST ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N; sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp Thuận A, xã Truông M, huyện Dương C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không có; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn O (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; Vợ, con: chưa có; Tiền sự: không có; Tiền án: Bản án số 20 ngày 14/4/2004 của Tòa án nhân dân huyện Dương C xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án số 11 ngày 10/01/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999. Bản án số 97 ngày 21/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản án số 261 ngày 26/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện C1, Thành phố Hồ Chí Minh, xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Nhân thân: đã bị xử lý vi phạm hành chính một lần và có 04 tiền án; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 24-11-2022 cho đến nay, *có mặt.*

Bị hại: Ông La Văn M1, sinh năm: 1964. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: Ô 1, khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích. Khoảng 08 giờ ngày 22/9/2022, Nguyễn Văn N đi nhờ xe môtô của người tên L không rõ lý lịch đến thị trấn G, rồi N xuống xe đi bộ. Khi đến khu vực gần nhà nghỉ Cẩm Tú thuộc khu phố H, thị trấn G, N phát hiện xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500 của ông La Văn M1 để trước nhà, trên xe có sẵn chìa khóa, không người trông giữ nên nảy sinh ý định lấy trộm xe đem bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. N lén lút đi vào đẩy xe ra đường, rồi điều khiển xe chạy về nhà ở ấp Thuận A, xã Truông M, huyện Dương C, cất giấu. Sau khi phát hiện bị mất trộm xe, ông M1 báo Công an thị trấn G đến kiểm tra camera tại nhà nghỉ Cẩm Tú xác định N đã lấy trộm xe nên phối hợp với Công an xã Truông M thu giữ vật chứng và đưa N về trụ sở làm việc.

Kết luận định giá tài sản số 81 ngày 26/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500 tại thời điểm ngày 22/9/2022 trị giá 1.600.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500 đã trả lại cho ông M1.

Về trách nhiệm dân sự: ông M1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Về kê biên tài sản: Do bị cáo N không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSGD ngày 29-12-2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong quá trình điều tra, bị hại – ông La Văn M1 trình bày: ông đã nhận lại tài sản bị mất là xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Về hình phạt đối với bị cáo ông yêu cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì không có tài sản.

Đồng thời đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự: Ghi nhận ông M1 đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Khoảng 08 giờ ngày 22/9/2022, tại khu phố H, thị trấn G, huyện G, Nguyễn Văn N có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, lại tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500 trị giá 1.600.000 đồng của ông La Văn M1.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với lời trình bày của những người tham gia tố tụng khác. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Mặc dù vụ án này mang tính chất ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo không những gây ra bất bình trong dư luận, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương, gây ra tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân trong việc giữ gìn và bảo vệ tài sản. Bản thân bị cáo đã có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, vừa chấp hành hình phạt tù xong, lại tiếp tục trộm cắp tài sản của người khác, điều này cho thấy bị cáo có ý thức xem thường pháp luật. Do đó, khi quyết định hình phạt cần áp dụng đối với bị cáo một mức án nghiêm mới có đủ thời gian giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng.

Do bị cáo không có tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Ông M1 đã nhận lại tài sản xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên cần ghi nhận.

[6] Do Hội đồng xét xử kết luận bị cáo có tội. Nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24-11-2022.

2/ Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận ông La Văn M1 đã nhận lại tài sản bị mất là xe môtô hiệu Noble biển số 70U1-3500 và không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn N bồi thường thiệt hại.

3/ Án phí: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4/ Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông La Văn M1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch STP tỉnh Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G (02 bản);
- Nhà tạm giữ CA huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh